

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 544/2026/DS-PT
Ngày: 03 - 6 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 458/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 608/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Ngô Thanh T**, sinh năm: 1952; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ).

1.2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1955; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô Minh T1**, sinh năm: 1979; cư trú tại: ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ). (Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/8/2025). (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Hồ Hoàng T2**, sinh năm: 1947; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Ông **Hồ Văn M**, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2: Ông **Vũ Anh Q**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố C. (Có mặt).

2.2. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm: 1953; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Ngô Văn C**, sinh năm: 1967; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3.2. Bà **Lâm Thị Y**; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3.3. Ông **Nguyễn Văn K**; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ). (Có mặt).

3.4. Bà **Ngô Thị S**, sinh năm: 1977; cư trú tại: ấp G, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3.5. Ông **Ngô Minh T1**, sinh năm: 1979; cư trú tại: ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ). (Có mặt).

3.6. Bà **Ngô Thị D**, sinh năm: 1984; cư trú tại: khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là khu V, phường V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3.7. Bà **Ngô Thị Q1**, sinh năm: 1988; cư trú tại: ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

3.8. Bà **Ngô Thị Cẩm M1**, sinh năm: 1992; cư trú tại: ấp D, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ). (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên ông Ngô Thanh T, bà Trần Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Minh T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất là do cha của ông T là ông Ngô Văn C1 để lại. Ông T sử dụng đến năm 1997 thì được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất của ông có giáp ranh với phần đất của ông T2. Trước đây phần đất lung bào nên không có ranh cụ thể. Ông T2 cất nhà ở phần phía trong có đi nhờ qua đất của ông T. Đến khi Nhà nước làm lộ thì ông T2 có dời nhà ra vị trí hiện tại. Khi đó ông T nghĩ tình vợ chồng ông T2 là cô và dựng của ông T nên ông cho đi nhờ ra lộ và sử dụng phần đất tranh chấp, khi đó các bên thuận thảo, không có tranh chấp gì.

Nguyên nhân tranh chấp là do trong quá trình ông T2 sử dụng đất có lấn qua phần đất của ông T ở phía trong nên các bên xảy ra cự cãi. Ông T2 có nộp đơn thưa

vợ chồng ông T ra áp hòa giải nhưng sau đó ông T2 không tiếp tục yêu cầu nữa. Từ đó các bên có mâu thuẫn nên nay ông T không cho ông T2 đi nhờ nữa. Lúc ông T2 sử dụng có trồng cây thì ông T cũng hay biết nhưng do tình cảm cô cháu nên ông không ngăn cản.

Đối với phần nhà của ông Ngô Văn C và bà Lâm Thị Y cất trên phần đất của ông T thì các bên không có tranh chấp.

Nay ông T và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2 và bà Ú trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 191,7m², thuộc một phần thửa 35, tờ bản đồ 11, phần đất tọa lạc tại ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ tại vị trí (I) của Mảnh trích đo địa chính số 50/SHC ngày 26/6/2024 của Công ty Cổ phần Đ2. Buộc ông T2 và bà Ú di dời toàn bộ phần cây trồng và công trình trên phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Minh T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2 và bà Ú trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 180,3m², thuộc một phần thửa 35, tờ bản đồ 11, phần đất tọa lạc tại ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã V thành phố Cần Thơ tại vị trí (Ia) của Mảnh trích đo địa chính số 103/CN-CHK ngày 17/9/2025 của Công ty Cổ phần Đ2. Nguyên đơn tự nguyện cắt phần đất có chiều ngang giáp lộ 06m từ phía giáp ranh thửa 33 kéo về phía thửa 35 (phần đất tại vị trí Ib, có diện tích 11,4m² theo Mảnh trích đo địa chính số 103/CN-CHK ngày 17/9/2025 của Công ty Cổ phần Đ2) cho bị đơn Hồ Hoàng T2 và Nguyễn Thị Ú. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả giá trị đất. Đối với phần cây trồng và công trình trên phần đất tranh chấp nguyên đơn thống nhất trả giá trị cho bị đơn với số tiền 3.387.000 đồng và yêu cầu được sở hữu cây trồng và công trình trên phần đất tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Ngô Thanh T. Trước đây ông T2 và bà Ú có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Trần Văn Đ (Tư Đ1) nằm ở phía trong và cất nhà để ở. Cách nay gần 30 năm, khi Nhà nước mức kênh để làm lộ thì vợ chồng ông T2 mới dời nhà ra vị trí hiện tại. Khi Nhà nước tiến hành làm lộ, ông T có kêu bà Ú đóng tiền làm lộ thì ông T sẽ cho ông T2, bà Ú phần đất hiện nay các bên tranh chấp có chiều dài theo lộ khoảng 21 mét. Ông T2 và bà Ú đã nhận phần đất sử dụng cho đến nay. Khi tặng cho chỉ nói miệng, các bên không có làm hợp đồng giấy tờ. Phần đất nhận chuyển nhượng của ông Tư Đ1 thì ông T2 và bà Ú đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2019. Còn đối với phần đất ông T tặng cho chưa tách quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T2 và bà Ú.

Nguyên nhân tranh chấp là do trước đây các bên có tranh chấp một đoạn ranh ở phía trong nên các bên xảy ra mâu thuẫn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T2 và bà Ú không đồng ý. Ông T2 và bà Ú yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp cho ông bà.

Đối với một phần nhà của ông Ngô Văn C và bà Lâm Thị Y cất trên phần đất của ông thì ông T2 và bà Ú không có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị S, ông Ngô Minh T1, bà Ngô Thị D, bà Ngô Thị Q1, bà Ngô Thị Cẩm M1 trình bày:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H. Phần đất này ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H chỉ cho ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú đi nhờ. Nếu ông T2 và bà Ú cho rằng ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H đã tặng cho phần đất thì ông T2 và bà Ú có nghĩa vụ chứng minh.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H thì bà Ngô Thị S, ông Ngô Minh T1, bà Ngô Thị D, bà Ngô Thị Q1, bà Ngô Thị Cẩm M1 cũng thống nhất yêu cầu buộc ông T2 và bà Ú trả lại phần đất cho ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C trình bày:

Ông C là em ruột của ông Ngô Thanh T. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông C là ông Ngô Văn C1 và bà Trương Thị H1 để lại. Ông C1 và bà H1 chết khi ông C còn nhỏ. Đến khi ông C lập gia đình thì được ông T cho một phần đất để cất nhà nhưng chưa sang tên. Phần đất ông được tặng cho giáp ranh với phần đất của ông Hồ Hoàng T2. Do phần hậu của đất ông C ngắn nên ông C có nhận chuyển nhượng của ông T2 thêm 04m với giá khoảng 4.000.000 đồng – 4.500.000 đồng để ông cất nhà. Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ giá chuyển nhượng và thời gian nhận chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng có làm giấy tay nhưng chưa sang tên. Hiện tại giữa ông C, ông T và ông T2 không có tranh chấp nên ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Nay đối với vụ kiện tranh chấp giữa ông T, bà H với ông T2, bà Ú thì ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị bà Lâm Thị Y và ông Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có yêu cầu gì.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Phần đất tranh chấp tại một phần thửa 35 diện tích 191,7m², tờ bản đồ số 11, phần đất tọa lạc tại ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ. Cây trồng trên đất

gồm có: 07 cây mai vàng loại D, 46 cây bông trang loại D, 01 cây cau ăn trái loại A, 01 cây mít loại A. Toàn bộ cây, công trình do ông Hồ Hoàng T2 trồng. Công trình trên đất: 01 bàn ông thiên xây gạch do ông Hồ Hoàng T2 xây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú.

2. Buộc bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú trả lại cho nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H phần đất tranh chấp tại vị trí (I), thuộc một phần thửa 35, có diện tích 180,3m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 11, phần đất tọa lạc tại ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ), theo Mảnh trích đo đạc địa chính số 103/CN-CHK ngày 17/9/2025 của Công ty Cổ phần Đ2 cho nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H về việc tách phần đất tranh chấp tại vị trí (I), thuộc một phần thửa 35, có diện tích 11,4m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 11 cho bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú. Công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí (I), thuộc một phần thửa 35, có diện tích 11,4m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 11, phần đất tọa lạc tại ấp E, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp E, xã V, thành phố Cần Thơ) theo Mảnh trích đo đạc địa chính số 103/CN-CHK ngày 17/9/2025 của Công ty Cổ phần Đ2 cho bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc chỉnh lý biến động, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

5. Nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú ông giá trị cây trồng và công trình trên phần đất tranh chấp với tổng số tiền là 3.387.000 đồng. Nguyên đơn ông Ngô Thanh T và bà Trần Thị H được sở hữu toàn bộ cây trồng và công trình trên phần đất tranh chấp.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và tiền án phí.

Ngày 20/10/2025, bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận phần diện tích đất tranh chấp cho ông T2, bà Ú sử dụng ổn định, lâu dài.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Đại diện cho ông Hồ Hoàng T2 trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bên ông T nhưng ông T đã tặng cho ông T2 tính đến nay đã trên 30 năm. Gia đình ông T2 đã làm đường, trồng cây và cất ông thiên để thờ cúng. Gia đình ông T2 đã sử dụng ổn định lâu dài và có công sức cải tạo đất nên muốn được giữ thành quả của gia đình. Nay gia đình ông T2 đồng ý trả giá trị phần đất để được sử dụng phần đất nêu trên.

Đại diện cho nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Trước đây do là anh em nên ông T đã cho ông T2 sử dụng phần đất, nhưng quá trình sử dụng ông thương có lấn thêm phần đất khác dẫn đến phát sinh tranh chấp. Nay gia đình ông T yêu cầu bị đơn trả lại đất, không nhận giá trị đất, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm: Trong quá trình sử dụng đất, bị đơn đã có công tôn tạo phần đất, trồng nhiều loại cây, nguyên đơn biết mà không phản đối. Cấp sơ thẩm chưa hỏi ý kiến của bị đơn về quyền tự định đoạt đối với cây trồng và công trình phụ mà bị đơn đã trồng và xây dựng trên đất đã buộc giao cho nguyên đơn là chưa phù hợp. Nếu buộc bị đơn trả phần đất cho nguyên đơn sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của bị đơn. Bị đơn đã sử dụng phần đất trên 30 năm cũng được xem như chiếm hữu ngay tình, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn, bị đơn có thể trả giá trị đất cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa, bị đơn cũng đã xác nhận nguồn gốc phần đất là của ông Ngô Thanh T, bị đơn cho rằng được ông T tặng cho nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để cấp phúc thẩm xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo,

hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Thị S, ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị D, bà Ngô Thị Q1, bà Ngô Thị Cẩm M1, bà Lâm Thị Y vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với bà Nguyễn Thị Ú có kháng cáo nhưng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phúc thẩm phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ú.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận phần diện tích đất tranh chấp cho ông T2, bà Ú sử dụng ổn định, lâu dài.

Xét thấy, phía bị đơn cũng thừa nhận phần đất tranh chấp là của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng đã được nguyên đơn tặng cho nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Phía nguyên đơn cũng đã tự nguyện tách phần đất vị trí (I) cho bị đơn cũng đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho bị đơn có lối đi. Bản án sơ thẩm giải quyết là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Hoàng T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hồ Hoàng T2 và bà Nguyễn Thị Ú thuộc trường hợp được miễn án phí.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 03/6/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- TAND khu vực 12 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Mạc Thị Chiên